

NGUYÊN TẮC THIỆN CHÍ TRONG BỐI CẢNH HỢP ĐỒNG DÂN SỰ
TẠI VIỆT NAM

NGUYỄN MINH HẰNG*

PHAN HOÀI NAM**

Ngày nhận bài: 06/05/2022

Ngày phản biện: 15/05/2022

Ngày đăng bài: 30/06/2022

Tóm tắt:

Nguyên tắc thiện chí được công nhận là một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp luật hợp đồng tại Việt Nam. Tuy nhiên, định nghĩa về thiện chí dường như khá trừu tượng và gây nhiều bối rối khi áp dụng nó trong bối cảnh quan hệ hợp đồng thương mại khi mà các bên thường không quy định rõ nguyên tắc này trong hợp đồng. Câu hỏi cần được giải quyết là nguyên tắc thiện chí có phải một nguyên tắc ngầm định trong hợp đồng dân sự không, và nếu có thì tiêu chí nào để đánh giá liệu rằng một bên đã vi phạm nguyên tắc thiện chí trong bối cảnh của một hợp đồng. Bài viết này trước tiên sẽ giới thiệu sơ lược lịch sử phát triển của nguyên tắc thiện chí ở Việt Nam. Sau đó, bài viết sẽ xem xét quy định về nguyên tắc thiện chí trong các Bộ luật Dân sự của Việt Nam để đánh giá các tiêu chí của

Abstract:

The concept of good faith has been recognized as one of the fundamental principles of contract law in Vietnam. However, the definition of good faith appears too abstract, and the question need to be addressed is which criteria are used to determine whether a party has violated the principle of good faith in the context of a contract. This article will first provide a brief history of the principle of good faith in Vietnam. Then, the article will examine the provisions of the good faith principle in Vietnam Civil Codes to evaluate the criteria of this principle. Finally, the article will discuss whether a breach of good faith constitutes a serious breach of contractual obligations under Vietnamese contract law.

* PGS.TS., Nguyên Trưởng khoa luật Đại học Ngoại Thương Hà Nội, Giám đốc Trung tâm nghiên cứu và thực hành pháp luật (trực thuộc Khoa Luật), trọng tài viên Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam VIAC thành viên của Nhóm nghiên cứu về Hợp đồng quốc tế của Cộng hòa Pháp, thành viên của Hiệp hội Luật so sánh của Pháp, chuyên gia nghiên cứu của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), chuyên gia của Ủy ban Pháp luật của Quốc hội xem xét và thông qua Bộ luật Dân sự 2005 và Bộ luật Dân sự 2015.

** TS., Khoa Luật quốc tế, Đại học Luật TP.HCM.

• Ghi chú: Tài bài viết toàn văn tại địa chỉ: <http://tapchi.hul.edu.vn>.

nguyên tắc thiện chí áp dụng trong hợp đồng dân sự. Cuối cùng, bài viết sẽ thảo luận về việc liệu hành vi vi phạm nguyên tắc thiện chí có cấu thành vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng theo luật hợp đồng Việt Nam hay không.

Từ khóa:

Nguyên tắc thiện chí, tiêu chí của nguyên tắc thiện chí, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng.

Keywords:

Principle of good faith, criteria of the principle of good faith, a serious breach of contractual obligations

1. Đặt vấn đề

Nguyên tắc thiện chí (*good faith*) là nền tảng của mọi giao dịch dân sự, bởi lẽ một giao dịch dân sự dù đơn giản hay phức tạp, mức độ dù lớn hay nhỏ thì sự trung thực, thiện chí của các bên sẽ là cơ sở quan trọng đảm bảo thực thi các quyền và nghĩa vụ của họ. Trong pháp luật hợp đồng, nguyên tắc thiện chí được xem như một yêu cầu chung trong tất cả các giai đoạn của quan hệ hợp đồng, với ý nghĩa các bên phải đảm bảo nghĩa vụ này từ giai đoạn bắt đầu đàm phán hợp đồng đến giai đoạn thực hiện hợp đồng và kể cả giai đoạn sau đó. Hầu hết các hệ thống pháp luật trên thế giới, trong đó có Việt Nam, đều công nhận và quy định về nguyên tắc thiện chí. Mặc dù vậy, trên thực tế, câu hỏi luôn được đặt ra là phạm vi và nội hàm của nguyên tắc thiện chí là gì? Vận dụng nguyên tắc thiện chí như thế nào thì phù hợp với quy định của pháp luật? Việc giải thích đúng và đầy đủ nguyên tắc này sẽ có ý nghĩa quan trọng đối với các bên trong việc thực thi các quyền và nghĩa vụ hợp đồng.

2. Lịch sử phát triển nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng ở Việt Nam

Thiện chí là một trong những nguyên tắc cơ bản của luật hợp đồng. Nguồn gốc của nguyên tắc thiện chí bắt nguồn từ luật La Mã¹, trong đó quy định rằng bất kỳ ai tạo ra nghĩa vụ pháp lý bằng cách tuyên bố bằng lời nói hoặc thỏa thuận thì sẽ có hiệu lực pháp luật.² Nguyên tắc này được công nhận trong hầu hết các hệ thống pháp luật hiện đại như Đức, Pháp và Mỹ.³

¹ Samuel Martin (2018), *The Evolution of Good Faith in Western Contract Law*, <https://dx.doi.org/10.2139/ssrn.3177520>, truy cập ngày 27/05/2022, tr.1.

² Table VI, Law I, Roman Twelve Tables, https://avalon.law.yale.edu/ancient/twelve_tables.asp truy cập ngày 27/05/2021.

³ Điều 1134 Bộ luật Dân sự Pháp; Điều 242 Bộ luật Dân sự Đức; Điều 205 Tuyến tập lần thứ hai về Luật hợp đồng.

Không có gì ngạc nhiên khi nguyên tắc thiện chí cũng được tìm thấy trong các Bộ luật Dân sự (BLDS) của Việt Nam. Việc pháp luật Việt Nam công nhận nguyên tắc này là do “*pháp luật theo mô hình Pháp tràn ngập lãnh thổ Việt Nam*” vào cuối thế kỷ 19 và nửa đầu thế kỷ 20.⁴ Trong một bài viết của mình, tác giả đã chỉ ra rằng BLDS đầu tiên của Việt Nam được ban hành năm 1883 thực chất là bản sao của BLDS Pháp năm 1804.⁵ Khoản 3 Điều 1134 của BLDS Pháp năm 1804 quy định rằng:

“Các thỏa thuận được hình thành một cách hợp pháp thì sẽ có hiệu lực như pháp luật đối với bên thỏa thuận.

Chúng chỉ có thể bị thu hồi khi có sự đồng ý của hai bên hoặc vì những lý do mà luật chi phép.

Chúng phải được thực hiện một cách thiện chí.”

Ngày 30 tháng 3 năm 1931, BLDS Bắc Kỳ được ban hành. Bộ luật có giá trị vì nó chủ yếu dựa trên các nguyên tắc pháp lý và kỹ thuật xây dựng luật hiện đại của các bộ luật phương Tây (BLDS Pháp năm 1841 và BLDS Thụy Sĩ năm 1919).⁶ Khoản 3 Điều 673 của BLDS Bắc Kỳ quy định rằng: “*Elles doivent être exécutées de bonne foi*” (Phàm hiệp ước phải lấy lòng ngay thẳng mà thi hành). Mặc dù bản dịch dùng cụm từ “*lòng ngay thẳng*” nhưng nguyên văn bản gốc của BLDS Bắc Kỳ vẫn sử dụng cụm từ “*bonne foi*”, tức là thiện chí. Đối với nguyên tắc thiện chí được quy định trong BLDS Pháp năm 1804 và BLDS Bắc Kỳ, Vũ Văn Mẫu có ý kiến rằng: “*Một sự thi hành thành ý không thể nào trái với sự công bằng. Như vậy, khi sự thi hành quá lợi cho người trái chủ và quá thua thiệt cho người phụ trái, sự thi hành ấy trái với sự công bằng, và không thành ý*”.⁷

Mãi đến năm 1995, BLDS đầu tiên của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam mới được ban hành.⁸ Bộ luật này là cốt lõi của pháp luật hợp đồng Việt Nam⁹, trong đó nguyên tắc thiện chí đã được thừa nhận một cách rõ ràng như một trong những nguyên tắc cơ bản. BLDS năm 1995 quy định các bên phải hành động một cách thiện chí và trung thực. Họ không chỉ quan tâm, chăm lo đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình mà còn phải tôn trọng, quan tâm đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của người khác, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự. Luật

⁴ Ngô Huy Cương (2016), *Sự ảnh hưởng của pháp luật Pháp đến luật tư Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, <http://www.nclp.org.vn/su-anh-huong-cua-phap-luat-phap-toi-luat-tu-o-viet-nam> truy cập ngày 27/05/2022.

⁵ Nguyễn Minh Hằng (2010), *History and Philosophy of Vietnamese Contract Law*, International Business Law Journal, số 4, tr. 349.

⁶ Nguyễn Minh Hằng (2010), *Tlđđ*, tr. 350.

⁷ Vũ Văn Mẫu (1963), *Việt Nam dân luật lược khảo (Quyển II. Nghĩa vụ và khế ước)*, Bộ quốc gia giáo dục xuất bản, tr. 250.

⁸ Bộ luật số 44-L/CTN do Quốc hội ban hành ngày 28 tháng 10 năm 1995 (BLDS năm 1995).

⁹ Nguyễn Minh Hằng (2010), *Tlđđ*, tr. 353.

không cho phép bên nào lừa dối bên nào, và bên nào cho rằng bên kia không trung thực thì phải có chứng cứ.¹⁰ Tuy nhiên, phạm vi áp dụng của nguyên tắc này khá mơ hồ vì nó chỉ bắt buộc các bên phải có thiện chí, trung thực trong quan hệ dân sự. Do đó, BLDS năm 1995 có quy định thêm về nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ dân sự¹¹, nguyên tắc giao kết hợp đồng dân sự¹² và nguyên tắc thực hiện hợp đồng¹³, tất cả đều đề cập đến nguyên tắc thiện chí.

Nguyên tắc thiện chí vẫn tiếp tục được ghi nhận trong cả BLDS năm 2005¹⁴ và BLDS năm 2015¹⁵. Tuy nhiên, BLDS năm 2015 mở rộng phạm vi áp dụng của nguyên tắc thiện chí sang giai đoạn chấm dứt hợp đồng¹⁶ trong khi phạm vi áp dụng của nguyên tắc này ở BLDS năm 2005 chỉ giới hạn ở giai đoạn đàm phán và thực hiện hợp đồng.¹⁷

3. Thiện chí trong giao dịch dân sự theo pháp luật Việt Nam

Nguyên tắc về thiện chí trong pháp luật Việt Nam về bản chất là chỉ dẫn pháp lý dưới dạng “chuẩn mực” và không chứa đựng bất kỳ quy định cụ thể nào.¹⁸ BLDS năm 2015 quy định nguyên tắc thiện chí, trung thực là một trong những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, cụ thể tại khoản 3 Điều 3 như sau: “*Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực.*” Quy định này khá rộng và trừu tượng, hơn nữa không có thêm bất kỳ hướng dẫn chi tiết nào để giải thích cũng như xác định các yếu tố của sự thiện chí. Vậy liệu có tồn tại các tiêu chí hay nội dung cụ thể để xác lập sự thiện chí theo pháp luật Việt Nam hay không?

Điều đáng nói là BLDS năm 1995 - văn bản pháp quy đầu tiên đặt nền móng cho nguyên tắc này tại Việt Nam, đã có diễn giải khá chi tiết nội hàm của khái niệm thiện chí, trung thực. Theo các tác giả, việc thu gọn các quy định này và khái quát hóa nguyên tắc thiện chí không làm thay đổi các nội hàm của nguyên tắc này như đã được thể hiện trong BLDS năm 1995, như phân tích chi tiết hơn dưới đây..

Điều 9 của BLDS năm 1995 quy định ba (03) yếu tố sau đây để đánh giá một bên tham gia quan hệ dân sự có hành vi thiện chí, trung thực hay không: (i) bên đó không lừa

¹⁰ Điều 9 BLDS năm 1995.

¹¹ Điều 288 BLDS năm 1995.

¹² Điều 395 BLDS năm 1995.

¹³ Điều 409 BLDS năm 1995.

¹⁴ Bộ luật số 33/2005/QH11 do Quốc hội ban hành ngày 14 tháng 06 năm 2005 (BLDS 2005).

¹⁵ Bộ luật số 91/2015/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 (BLDS 2015). *BLDS 2015 bộ luật dân sự đang có hiệu lực áp dụng tại Việt Nam vào thời điểm bài viết này.*

¹⁶ Khoản 3 Điều 3 BLDS năm 2015.

¹⁷ Điều 6 BLDS năm 2005.

¹⁸ Nguyễn Anh Thư (2020), *Nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng Việt Nam với pháp luật một số quốc gia dưới góc độ so sánh*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr. 35.

dối bên còn lại, (ii) bên đó tôn trọng lợi ích Nhà nước và lợi ích công cộng, và (iii) bên đó tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (bao gồm cả bên còn lại của quan hệ dân sự và bên thứ ba) cũng như giúp đỡ, tạo điều kiện cho bên kia thực hiện quyền và nghĩa vụ dân sự.¹⁹

Mặc dù BLDS năm 1995 đã hết hiệu lực và bị thay thế bởi các BLDS sau này, thế nhưng các quy định tại BLDS năm 1995 đã cung cấp nguồn thông tin có giá trị về nội dung của nguyên tắc “thiện chí” và có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo để giải thích như thế nào là hành động thiện chí, trung thực theo pháp luật Việt Nam. Do đó, trong một giao dịch dân sự, một bên được xem là thiện chí và trung thực nếu bên đó đáp ứng 03 điều kiện được đề cập ở trên. Mặt khác, việc không thỏa mãn bất kì cái nào trong ba yếu tố trên sẽ cấu thành sự vi phạm nghĩa vụ thiện chí và trung thực. Sau đây, các tác giả sẽ phân tích cụ thể ba điều kiện nói trên.

3.1. Một bên trong giao dịch dân sự không lừa dối bên còn lại

Nguyên tắc thiện chí yêu cầu các bên phải hành xử một cách trung thực, không bên nào được lừa dối bên nào.²⁰ Đặc điểm nổi bật này khiến khái niệm “trung thực” luôn được xếp song hành cùng với khái niệm “thiện chí” trong tất cả các quy định về nguyên tắc thiện chí của pháp luật Việt Nam. Nói cách khác, việc một bên lừa dối, không trung thực với bên còn lại trong giao dịch dân sự, bên đó đương nhiên bị coi là thiếu thiện chí trong việc thực hiện hợp đồng của mình. Trong các BLDS của Việt Nam, định nghĩa của thuật ngữ “lừa dối” có thể được tìm thấy tại quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa. Cụ thể, Điều 142.1 của BLDS năm 1995 định nghĩa “*lừa dối trong giao dịch dân sự là hành vi cố ý của một bên nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của giao dịch nên đã xác lập giao dịch đó.*” Nội dung này vẫn tiếp tục được ghi nhận tại Điều 132 của BLDS năm 2005 và Điều 127 của BLDS năm 2015.

BLDS 1995 quy định rõ rằng nếu một bên cho rằng bên kia không trung thực thì phải có chứng cứ.²¹ Như vậy, trong một quan hệ giao dịch dân sự bất kỳ, các bên luôn được giả định là hành xử một cách thiện chí và trung thực, nếu một bên cáo buộc bên còn lại đang vi

¹⁹ Điều 9 BLDS năm 1995

“Điều 9. Nguyên tắc thiện chí, trung thực

Trong quan hệ dân sự, các bên phải thiện chí, trung thực, không chỉ quan tâm, chăm lo đến quyền, lợi ích hợp pháp của mình mà còn phải tôn trọng, quan tâm đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của người khác, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự, không bên nào được lừa dối bên nào; nếu một bên cho rằng bên kia không trung thực, thì phải có chứng cứ.”

²⁰ Điều 9 BLDS năm 1995 và Điều 6 BLDS năm 2005.

²¹ Điều 9 BLDS năm 1995.

phạm nghĩa vụ thiện chí, trung thực thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về bên đưa ra cáo buộc. Có lẽ vì nội dung này thuộc về vấn đề thủ tục và chứng cứ, nên nó đã không được nhắc lại trong các BLDS năm 2005 và 2015.

3.2. Một bên trong giao dịch tôn trọng lợi ích Nhà nước và lợi ích công cộng

Nguyên tắc thiện chí cũng yêu cầu các bên trong giao dịch dân sự không chỉ quan tâm đến lợi ích của chính mình mà còn phải tôn trọng lợi ích Nhà nước, lợi ích công cộng. Trong BLDS năm 1995, tôn trọng lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng được quy định là một trong các tiêu chí của hành xử thiện chí, trung thực; thế nhưng, đến BLDS năm 2005 và 2015, tiêu chí này được tách riêng thành một nguyên tắc cơ bản mới của pháp luật dân sự.²² Mặc dù vậy, các học giả tại Việt Nam vẫn hiểu và lý giải nguyên tắc thiện chí, trung thực tại BLDS năm 2015 luôn kèm theo điều kiện tôn trọng lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.²³

BLDS năm 1995 không quy định cụ thể thế nào là “tôn trọng lợi ích của Nhà nước và lợi ích công cộng”. Thế nhưng khi tham khảo quy định tại Điều 10 BLDS năm 2005 và khoản 4 Điều 3 BLDS năm 2015, có thể hiểu rằng các bên được xem là tôn trọng lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng khi thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự của mình mà không xâm phạm đến lợi ích của quốc gia, dân tộc và lợi ích công cộng. Sự “không xâm phạm” ở đây có thể được giải thích là “không vi phạm điều cấm của luật” và “không trái đạo đức xã hội”.²⁴ Như vậy, khi một bên cáo buộc bên còn lại vi phạm nguyên tắc thiện chí, trung thực trên cơ sở xâm phạm lợi ích Nhà nước, lợi ích công cộng, bên cáo buộc phải chỉ rõ được rằng bên vi phạm đã vi phạm điều cấm nào của luật và/hoặc có hành vi trái đạo đức xã hội như thế nào.

3.3. Một bên trong giao dịch dân sự tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của bên còn lại, đồng thời tạo điều kiện, giúp đỡ bên còn lại thực hiện quyền và nghĩa vụ dân sự

Nguyên tắc thiện chí trong giao dịch dân sự đòi hỏi các bên phải tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau, đồng thời phối hợp và giúp đỡ nhau để thực hiện quyền và nghĩa vụ dân sự.²⁵ Trong trường hợp có bất kỳ khó khăn hay trở ngại nào phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch, các bên phải cùng nhau thảo luận và thực hiện mọi biện pháp

²² Điều 10 BLDS năm 2005 và khoản 4 Điều 3 BLDS năm 2015

²³ Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo Trình Luật Dân Sự Việt Nam (Tập I)*, Nxb Công an nhân dân, tr.58.

²⁴ Trương Nhật Quang (2020), *Pháp luật về hợp đồng – Các vấn đề pháp lý cơ bản*, Nxb Dân trí, tr. 82-83.

²⁵ Điều 9 BLDS năm 1995.

cần thiết để giảm thiểu và/hoặc khắc phục thiệt hại trên tinh thần hợp tác.²⁶ Lúc này, “thiện chí” được thể hiện ở việc các bên có thái độ hợp tác để giải quyết mọi vấn đề với nhau trên cơ sở hạn chế, giảm thiểu thiệt hại của các bên.

Tuy nhiên, không có thêm bất kỳ hướng dẫn nào để định lượng một mức độ hợp tác và/hoặc hỗ trợ cụ thể mà nếu vượt quá mức độ đó một bên sẽ bị xem là vi phạm nguyên tắc thiện chí. Kinh nghiệm xét xử ở Việt Nam cho thấy rằng để xác định một bên có hành xử thiện chí hay không còn phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể và dựa vào toàn quyết định của cơ quan xét xử.

Trong vụ việc giữa bà L. (Nguyên đơn) và ông T (Bị đơn)²⁷, Nguyên đơn và Bị đơn ký kết một hợp đồng đặt cọc, theo đó Nguyên đơn đồng ý đặt cọc một số tiền cho Bị đơn để đảm bảo cho việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Nguyên đơn và Bị đơn. Trên thực tế, Nguyên đơn đã hoàn thành việc thanh toán số tiền đặt cọc cho Bị đơn. Tuy nhiên, việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng đất không thể diễn ra do lỗi của Bị đơn. Hơn nữa, mặc dù hợp đồng đặt cọc vẫn chưa chấm dứt/thanh lý, Bị đơn đã chuyển nhượng phần đất đó cho một bên thứ ba mà không thông báo trước cho Nguyên đơn. Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng Bị đơn đã hành xử không thiện chí và trung thực, do đó vi phạm nguyên tắc cơ bản trong quan hệ dân sự được quy định tại Điều 3 của BLDS năm 2015. Kết luận này được đưa ra sau khi Tòa án xem xét chuỗi sự việc được hai bên xác nhận và đối chiếu với chính lời trình bày và chứng cứ mà Bị đơn đưa ra trong suốt quá trình diễn ra vụ kiện.

Như vậy, trong pháp luật Việt Nam không có bất kỳ tiêu chí định lượng nào để đánh giá xem một bên có hành vi vi phạm nguyên tắc thiện chí, trung thực hay không. Ngoài ra, luật pháp cũng không quy định bất kỳ chế tài hoặc biện pháp khắc phục cụ thể nào đối với hành vi vi phạm nguyên tắc thiện chí, trung thực.

4. Vi phạm nguyên tắc thiện chí trong liên hệ với vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng

Trước hết, phải khẳng định nguyên tắc thiện chí là một nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự.²⁸ Vì vậy, bất kể nguyên tắc này có được các bên quy định trong hợp đồng hay không, đó vẫn là một nghĩa vụ ngầm định mà các bên phải tuân thủ. Điều có thể gây bối rối cho các bên là khi thiếu các tiêu chí định lượng, cũng như quy định cụ thể về chế tài, liệu

²⁶ Đại học Luật Hà Nội (2018), *Sđd*, tr.58.

²⁷ Bản án số 356/2019/DS-PT ngày 24/4/2019, <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-282020kdtmst-ngay-11082020-ve-tranh-chap-hop-dong-mua-ban-co-phan-156517> truy cập ngày 27/05/2022.

²⁸ Trong BLDS năm 2015, nguyên tắc này được xếp trong Điều 3 dưới tiêu đề: Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự.

việc vi phạm nguyên tắc thiện chí có thể bị coi là một vi phạm nghiêm trọng hợp đồng, và theo đó cho phép bên còn lại được quyền hủy hợp đồng?

Khái niệm “vi phạm cơ bản” lần đầu được nhắc tới trong pháp luật Việt Nam tại Luật Thương mại năm 2005. Điều 3.13 của Luật Thương mại quy định: “[v]i phạm cơ bản là sự vi phạm hợp đồng của một bên gây thiệt hại cho bên kia đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng.” Hậu quả của việc một bên vi phạm cơ bản là bên còn lại có quyền tạm ngừng, chấm dứt hoặc hủy bỏ thực hiện hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.²⁹ Đáng chú ý là với phạm vi điều chỉnh của Luật thương mại năm 2005, quy định về vi phạm cơ bản được hiểu là chỉ trong bối cảnh các giao dịch hợp đồng thương mại mà không áp dụng cho các giao dịch dân sự phi thương mại. Cùng thời điểm đó, BLDS năm 2005 chỉ nhắc tới khái niệm “vi phạm nghiêm trọng”, nhưng không có định nghĩa hay giải thích cụ thể.

Phải tới BLDS năm 2015, khái niệm “vi phạm nghiêm trọng” mới được định nghĩa cụ thể. Theo đó vi phạm nghiêm trọng là việc không thực hiện đúng nghĩa vụ của một bên đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng.³⁰ Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng là một trong những căn cứ để một bên hủy bỏ hoặc đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng.³¹ Không đáng ngạc nhiên, hai khái niệm trên được nhắc tới trong hai văn bản luật khác nhau nhưng được định nghĩa gần như trùng khít hoàn toàn. Chính vì vậy, các tác giả cho rằng hai khái niệm này dưới lăng kính pháp luật Việt Nam có thể sử dụng thay thế cho nhau.

Để giải quyết câu hỏi thứ hai được đặt ra, ta cần đánh giá liệu rằng hành vi vi phạm nguyên tắc thiện chí của một bên có đến mức tước đi mục đích giao kết hợp đồng của bên kia hay không. Hơn nữa khi xem xét câu hỏi trên thì chúng ta cũng cần tách yếu tố “*trung thực*” ra khỏi nguyên tắc thiện chí, bởi vì khi một bên hành động không trung thực thì hợp đồng có thể bị vô hiệu.³²

Hãy cùng xem xét một số bản án để xem cách tòa án áp dụng điều khoản vi phạm hợp đồng nghiêm trọng trên thực tế như thế nào.

(1) Trong vụ việc giữa bà L (Nguyên đơn) và vợ chồng ông Võ Tr, bà Lê Thị L1 (Bị đơn)³³, Bị đơn có vay Nguyên đơn tổng số tiền là 850.000.000 đồng với mức lãi suất là 2%/tháng. Tuy nhiên, Bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ của mình và thay đổi nơi cư trú

²⁹ Xem các Điều 308, 310 và 312 Luật Thương mại năm 2005.

³⁰ Khoản 2 Điều 423 BLDS năm 2015.

³¹ Khoản 1 Điều 423 và Khoản 1 Điều 428 BLDS năm 2015.

³² Khoản 1 Điều 142 BLDS năm 1995, Điều 132 BLDS năm 2005, Khoản 1 Điều 127 BLDS năm 2015.

³³ Bản án số 39/2020/DSST ngày 04/11/2020, <https://congboaban.toaan.gov.vn/2ta745313t1cvn/chi-tiet-ban-an-truy-cap-ngay-27/05/2022>.

mà không thông báo cho Nguyên đơn biết. Tòa án cho rằng mục đích giao kết hợp đồng vay của Nguyên đơn là khoản tiền lãi nhưng việc Bị đơn không trả khoản lãi đó cho Nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng theo quy định tại Khoản 2 Điều 423 BLDS năm 2015.

(2) Trong một vụ việc khác giữa ông H (Nguyên đơn) và Công ty A (Bị đơn)³⁴, Nguyên đơn đã mua 5.000 cổ phần tương đương 51.500.000 đồng trong giai đoạn Bị đơn thực hiện cổ phần hóa năm 2008. Năm 2010, Bị đơn đã cấp cho Nguyên đơn Giấy chứng nhận nộp tiền mua cổ phần trên. Trên thực tế, Bị đơn vẫn chưa ghi nhận tư cách cổ đông của Nguyên đơn từ năm 2009. Bị đơn đã lập luận rằng mình vẫn chưa hoàn thành quá trình cổ phần hóa công ty bởi vì số cổ phần được chào bán đầu giá vẫn chưa được bán hết. Vì vậy, Bị đơn không thể tiến hành được cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để ghi nhận tư cách cổ đông của các nhà đầu tư. Tuy nhiên, Tòa án cho rằng trong trường hợp đó, lẽ ra Bị đơn phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án cổ phần hóa để điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, và sau đó tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên. Bị đơn đã không chứng minh được mình đã thực hiện các biện pháp cần thiết để hoàn thành việc cổ phần hóa và ghi nhận tư cách cổ đông của Nguyên đơn. Do đó, Tòa án cho rằng Bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến việc Nguyên đơn không được sở hữu cổ phần công ty trong hơn 10 năm và không đạt được mục đích của việc giao kết hợp đồng. Như vậy, Bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng.

Qua các vụ việc trên, có thể thấy cơ quan xét xử đã áp dụng tiêu chí được quy định tại BLDS năm 2015 để xem xét liệu có sự vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hay không, cụ thể là liệu hành vi vi phạm có tước đoạt quyền lợi cơ bản khiến mục đích của việc giao kết hợp đồng của bên còn lại không thể đạt được. Thực tế, việc đánh giá một vi phạm có nghiêm trọng hay không còn tùy thuộc vào tình tiết của vụ việc nhằm xác định mục đích giao kết hợp đồng trong trường hợp đó là gì. Căn cứ vào 3 nội dung tiêu chí của nguyên tắc thiện chí, có thể thấy rất khó có thể dựa vào vi phạm nghĩa vụ thiện chí để cho rằng sự thiếu thiện chí của một bên đã khiến bên bị vi phạm đã không đạt được mục đích khi giao kết hợp đồng. Điều này là bởi vì rất khó định lượng hành vi vi phạm nguyên tắc thiện chí của một bên trong hợp đồng, ngoại trừ yếu tố lừa dối là đặc điểm dễ nhận biết nhất trong nội hàm của nguyên tắc thiện chí. Giả dụ một bên thực hiện giao dịch mua bán xe hơi với người bán xe, trong đó người bán xe cam kết máy móc còn mới, cố tình che giấu thông tin

³⁴ Bản án số 28/2020/KDTM-ST ngày 11/08/2020, http://congboanan.toaan.gov.vn/5ta588435t1cvn/Cao_Ngoc_H_ALCIAn_PH_Ma_hoa.pdf truy cập ngày 27/05/2022.

là xe đã từng bị hỏng thiết bị chính và vì vậy sẽ thường xuyên bị trục trặc kỹ thuật. Khi mua xe và sử dụng, bên mua gặp trục trặc liên tục và gần như không thể sử dụng xe. Trong trường hợp này, vi phạm nguyên tắc thiện chí trung thực (lừa dối) là rất rõ ràng và hậu quả của hành vi lừa dối là bên bị hại không đạt được mục đích giao kết hợp đồng mua bán xe hơi ban đầu. Tuy nhiên, như trên đã đề cập, bản thân hành vi thiếu trung thực đã tạo ra căn cứ để hợp đồng bị tuyên vô hiệu với lỗi thuộc về bên có hành vi lừa dối. Ngược lại, với yêu cầu hợp tác, tôn trọng quyền lợi ích hợp pháp của đối tác, việc không có tiêu chí định lượng cụ thể của yếu tố này khiến hầu như khó có khả năng xác minh được hậu quả của hành vi vi phạm nguyên tắc thiện chí liên quan tới việc bên bị hại không đạt được mục đích giao kết hợp đồng. Do đó, ngoại trừ hành vi thiếu trung thực nếu bên bị vi phạm có thể chứng minh, vi phạm nghĩa vụ thiện chí rất khó có dẫn đến kết luận vi phạm nghiêm trọng hợp . Trong mọi trường hợp, vấn đề này cần được giải quyết dựa trên tiêu chí của vi phạm nghiêm trọng và tình huống cụ thể của vụ việc.

5. Kết luận

Kế thừa nguyên tắc thiện chí được quy định trong BLDS năm 1995, nhưng cả BLDS năm 2005 và BLDS năm 2015 đều không quy định cụ thể các tiêu chí cấu thành hành vi vi phạm nguyên tắc thiện chí trong hợp đồng. BLDS năm 1995 quy định về nguyên tắc thiện chí với nhiều chi tiết hơn về các yếu tố cấu thành nguyên tắc này, nhưng cũng không cung cấp được định lượng cụ thể cho các tiêu chí của từng yếu tố. Bên cạnh đó, một hành vi vi phạm nguyên tắc thiện chí có dẫn đến sự vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng hay không sẽ phụ thuộc vào mục đích giao kết hợp đồng của bên bị vi phạm và tình tiết của vụ việc. Tuy nhiên, ngoại trừ trường hợp xảy ra sự lừa dối, sẽ rất khó kết luận được một hành vi vi phạm nguyên tắc thiện chí cấu thành một vi phạm cơ bản, khi không đủ các tiêu chí xác thực để khẳng định vi phạm này khiến đối phương không đạt được mục đích khi giao kết hợp đồng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Huy Cương (2016), *Sự ảnh hưởng của pháp luật Pháp đến luật tư Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, <http://www.nclp.org.vn/su-anh-huong-cua-phap-luat-phap-toi-luat-tu-o-viet-nam>.
2. Nguyễn Minh Hằng (2010), *History and Philosophy of Vietnamese Contract Law*, International Business Law Journal, số 4.
3. Vũ Văn Mẫu (1963), *Việt Nam dân luật lược khảo* (Quyển II. Nghĩa vụ và khế ước), Bộ quốc gia giáo dục xuất bản.

4. Samuel Martin (2018), *The Evolution of Good Faith in Western Contract Law*, <https://dx.doi.org/10.2139/ssrn.3177520>.
5. Đại học Luật Hà Nội (2018), *Giáo Trình Luật Dân Sự Việt Nam* (Tập I), Nxb Công an nhân dân.
6. Trương Nhật Quang (2020), *Pháp luật về hợp đồng – Các vấn đề pháp lý cơ bản*, Nxb Dân trí.
7. Nguyễn Anh Thu (2020), *Nguyên tắc thiện chí trong pháp luật hợp đồng Việt Nam với pháp luật một số quốc gia dưới góc độ so sánh*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội.
8. Bản án số 356/2019/DS-PT ngày 24/4/2019, <https://thuvienphapluat.vn/banan/ban-an/ban-an-282020kdtmst-ngay-11082020-ve-tranh-chap-hop-dong-mua-ban-co-phan-156517>.
9. Bản án số 28/2020/KDTM-ST ngày 11/08/2020, http://congbobanan.toaan.gov.vn/5ta588435t1cvn/Cao_Ngoc_H__ALCIAn_PH__Ma_hoa.pdf.
10. Bản án số 39/2020/DSST ngày 04/11/2020, <https://congbobanan.toaan.gov.vn/2ta745313t1cvn/chi-tiet-ban-an>